

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG

CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 8 năm 2025

(Kèm theo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 8 năm 2025)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp TNVK	% PCƯ ĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
											Lương	PCCV	PCTNV K			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17=(14+15+16)	18	20	22	24	26	D
1	Trần Quang Hải	V.08.01.02	5,76	0,4	0,2		60%	3,70	10,06	23.531.040	0			0	0	1.153.152	216.216	144.144	22.017.528	
2	Nguyễn Tam Hùng	V.08.03.07	4,06		0,2	0,57	60%	2,78	7,61	17.796.730	0			0	20.348	866.436	162.457	108.305	16.639.184	P 1 ngày
3	Trần Văn Bé	V.08.03.07	4,06			0,37	40%	1,77	6,20	14.497.610	0			0	0	828.435	155.332	103.554	13.410.289	
4	Phạm Văn Khương	V.08.01.03	4,65			0,00	40%	1,86	6,51	15.233.400	0			0	0	870.480	163.215	108.810	14.090.895	
5	Nguyễn Thị Tuyết Lan	V.08.04.10	3,66			0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160	0			0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
6	Võ Văn Minh	V.08.04.10	3,99		0,2	0,00	60%	2,39	6,58	15.406.560	0			0	40.696	746.928	140.049	93.366	14.385.521	P 2 ngày
7	Lâm Thị Thiệt	V.08.05.13	3,65		0,2	0,00	60%	2,19	6,04	14.133.600	0			0	111.913	683.280	128.115	85.410	13.124.882	P 5,5 ngày
8	Nguyễn Thị Hương	V.05.02.08	3,26			0,00	0%	0,00	3,26	7.628.400	0			0	0	610.272	114.426	76.284	6.827.418	
9	Huỳnh Thị Bông	V.08.03.07	2,66		0,2	0,00	60%	1,60	4,46	10.427.040	0			0	30.522	497.952	93.366	62.244	9.742.956	P 1,5 ngày
10	Nguyễn Thanh Hậu	V.08.04.10	2,67		0,2	0,00	60%	1,60	4,47	10.464.480	0			0	0	499.824	93.717	62.478	9.808.461	
11	Trương Viết Nhân	V.08.01.03	3,00	0,3	0,2	0,00	60%	1,98	5,48	12.823.200	0			0	81.391	617.760	115.830	77.220	11.931.000	H 4 ngày
12	Trần Thị Yến	V.08.02.06	3,00		0,4	0,00	70%	2,10	5,50	12.870.000	0			0	81.391	561.600	105.300	70.200	12.051.509	P 2 ngày
13	Trương Thị Linh Huệ	V.08.06.16	2,66			0,00	40%	1,06	3,72	8.714.160	0			0	0	497.952	93.366	62.244	8.060.598	
14	Nguyễn Thị Bích Nga	V08.05.12	3,66			0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160	0			0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
15	Cao Văn Cảnh	V08.05.13	3,03		0,2	0,00	60%	1,82	5,05	11.812.320	0			0	40.696	567.216	106.353	70.902	11.027.153	P 2 ngày
16	Hứa Thị Thanh	V.08.02.06	2,67		0,4	0,00	70%	1,87	4,94	11.557.260	0			0	0	499.824	93.717	62.478	10.901.241	
17	Nguyễn Thị Út Linh	V.08.05.12	3,33			0,00	40%	1,33	4,66	10.909.080	0			0	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
18	Trần Thị Ánh Tuyết	V08.05.12	2,34			0,00	40%	0,94	3,28	7.665.840	0			0	0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
19	Nguyễn Thị Hồng	V.08.05.12	2,34			0,00	40%	0,94	3,28	7.665.840	0			0	0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
20	Nguyễn Văn Thi	V.08.04.10	2,34			0,00	40%	0,94	3,28	7.665.840	0			0	0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
21	Trần Thị Hồng Nữ	V.08.03.07	2,86			0,00	40%	1,14	4,00	9.369.360	0			0	0	535.392	100.386	66.924	8.666.658	
	Tổng cộng		69,65	0,7	2,4	0,93		34,93	108,61	254.152.080	0	0	0	0	406.957	13.344.327	2.502.062	1.668.041	236.230.694	

Tổng số tiền bằng chữ : Hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng chẵn.

